

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27/6/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Zơ Râm Hanh;
2. Bà Dương Thị Phường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Y Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1971, có mặt;
Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
2. Bị đơn: Ông Võ Văn X, sinh năm: 1969, có đơn xin xử vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Võ Văn X chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do chồng thường xuyên uống rượu say, đập phá nhà cửa, chửi mắng vợ con và vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chính vì thế vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông X có 03 con chung tên Võ Hồng L, sinh ngày 10/11/1995 đã trưởng thành, Võ Đức C, sinh ngày 15/02/2001 và Võ Đức T, sinh ngày 02/01/2009. Khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Võ Đức C và Võ Đức T, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2018 bị đơn ông Võ Văn X trình bày: Ông và bà Trần Thị Thanh T chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà T có tình cảm với người khác. Ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà T vẫn không sửa đổi, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay vợ xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung tên Võ Hồng L, sinh ngày 10/11/1995 đã trưởng thành, Võ Đức C, sinh ngày 15/02/2001 và Võ Đức T, sinh ngày 02/01/2009. Khi ly hôn ông có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Võ Đức C và Võ Đức T, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, nguyên đơn, bị đơn thống nhất giao Võ Đức C, sinh ngày 15/02/2001 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giao Võ Đức T, sinh ngày 02/01/2009 cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn X nên đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Ông Võ Văn X có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1994, bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Văn X chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân của bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Văn X đã vi phạm về thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Văn X là không hợp pháp, nay xét không công nhận bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Văn Xanh là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông X có 03 con chung là cháu Võ Hồng L, sinh ngày 10/11/1995 (đã trưởng thành), cháu Võ Đức C, sinh ngày 15/02/2001 và cháu Võ Đức T, sinh ngày 02/01/2009. Tại phiên hòa giải, bà T và ông X cùng thống nhất giao cháu Võ Đức C cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Võ Đức T cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc thỏa thuận về việc trực tiếp nuôi con khi ly hôn của bà T và ông X là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu C, cháu T nên cần căn cứ vào Điều 3 Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Võ Đức C cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu C trưởng thành, giao cháu Võ Đức T cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm, do bà Tuyên là nguyên đơn nên bà phải chịu toàn bộ án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, dù các yêu cầu của bà được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 16, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T.

1, Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Văn X.

2, Về quan hệ con chung: Giao cháu Võ Đức C, sinh ngày 15/02/2001 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu C trưởng thành, giao cháu Võ Đức T,

sinh ngày 02/01/2009 cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 007781, ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Giang (bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- UBND xã Ba;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Quang